



PIONEER SHIPBROKERS CO., LTD.

(A MEMBER OF THE VIETNAM SHIPOWNER'S ASSOCIATION)

SHIP SALE & PURCHASE – CHARTERING

No.13, Ngan Long villas, Nguyen Huu Tho Street, Nha Be District, HCMC

Tel: 028-38817289

www.pioneershipbrokers.com.vn

Nhằm phục vụ nhu cầu của khách hàng và cập nhật thông tin thị trường ngày càng tốt hơn, công ty môi giới hàng hải Tiên Phong (Pioneer Shipbrokers) giới thiệu đến quý khách hàng ứng dụng **Pioneer Shipbrokers** có trên **iOS** và **Android**, công cụ hữu ích cho khách hàng quan tâm lĩnh vực mua bán tàu biển và thông tin thị trường

TÌNH HÌNH THỊ TRƯỜNG

TUẦN 07/2025

(11/02/2025 – 17/02/2025)

1. THỊ TRƯỜNG TÀU ĐÁ QUẢ SỬ DỤNG:

Mỹ chính thức áp thuế 25% có hiệu lực từ tháng 3/2025 lên mặt hàng sắt và nhôm nhập khẩu, đánh thẳng vào Canada, Brazil, Mexico và Hàn Quốc. Động thái này một mặt có thể bảo vệ được các ngành công nghiệp của Mỹ song lại có nguy cơ làm gián đoạn hoạt động thương mại và vận chuyển toàn cầu. Tuy nhiên, trong ngắn hạn tác động này tương đối rõ ràng và góp phần thúc đẩy cước tăng khi các công ty tăng cường tích trữ tăng trước khi bị áp thuế mới. Tuy nhiên sau đó, nếu mặt hàng sắt và nhôm nhập khẩu vào Mỹ bị áp thuế đầy đủ thì thị trường có thể chứng kiến sự sụt giảm đáng kể về nhu cầu vận chuyển đường biển. Liên minh Châu Âu đang phản đối rất quyết liệt chính sách này và tuyên bố sẽ trả đũa, khiến tình hình thế giới gia tăng phức tạp.

Ở mảng tàu hàng khô, đầu tuần chỉ số BDI giảm và tăng nhẹ trở lại vào cuối tuần, hiện ở mức 841 điểm. Tổng quan chỉ số thuê tàu các phân khúc tuần thay đổi như sau: Capesize tiếp tục đã giảm và bốc hơi thêm 10% (còn 725 điểm), Panama cũng đang giảm 3% còn 997 điểm, riêng hai phân khúc Supramax và Handysize lợi ngược dòng lần lượt tăng thêm 12,5% và 19,11%. Đối với hoạt động mua bán, thị trường trở lại chưa nhộn nhịp như kỳ vọng. Hiện ngày càng có thêm nhiều chủ tàu chấp nhận và sẵn sàng giảm giá nhẹ, theo đó mặt bằng tham chiếu cũng đang mềm hơn trước Tết nguyên đán. Ghi nhận giao dịch rải rác các phân khúc, trong đó chiếm gần một nửa là cỡ tàu Panamax. Với sự gián đoạn tiềm ẩn trong hoạt động thương mại sắt và nhôm, hai phân khúc Panamax và Supramax có thể bị ảnh hưởng và đối mặt với nhu cầu suy giảm. Ở phân khúc Supramax, có tin tàu **Sagar Shakti** (58.097 dwt, đóng 2012 xưởng Tsuneishi đặt tại Zhoushan, Trung Quốc) đang được đàm phán xung quanh 15 triệu nhưng chủ tàu vẫn chưa tích cực xem xét. Ở phân khúc Handy, ghi nhận tàu Handymax **Enable** (48.910 dwt, đóng 2001 tại xưởng liên doanh Nhật-Trung Quốc NACKS, phần lớn máy móc sản xuất tại Nhật, DD 09/2025, SS 04/2027) được bán thành công với giá khoảng 6,25 triệu đô la Mỹ. Đây có thể được xem là mức tham chiếu mới cho cỡ tàu Handymax già xung quanh 25 tuổi đóng Trung Quốc trong thời gian tới. Tàu Handysize **Mazury** (39.981 dwt, đóng 2005 Trung Quốc) được chủ tàu Ba Lan chốt với giá khoảng 6 triệu đô la Mỹ, hạn đà cận kề 4/2025. Bốn tháng trước (10/2024), chủ tàu trên cũng chốt tàu tương tự già hơn một tuổi là **Kujawy** (38.890 dwt, đóng 2005 Trung Quốc, DD/SS 01/2025) với giá khoảng 8 triệu đô la Mỹ - như vậy hiện nay giá đã giảm 25%!

Ở mảng tàu dầu/hóa chất, tuần qua các chỉ số vẫn ở mức ổn định. Cụ thể chỉ số BDTI (Baltic Dirty Tanker Index) nhích nhẹ 1,45% còn chỉ số BCTI (Baltic Clean Tanker Index) cũng tăng 4,6%. Các giao dịch mua bán tàu Aframax tiếp tục chiếm tiêu điểm, giá tàu này đã giảm trung bình 5-10% trong vòng 3 tháng qua. Ở phân khúc MR, tàu chemical **Hansa Oslo** (51.215 dwt, đóng 2007 Hàn Quốc) được chủ tàu Đức bán thành công với giá khoảng 17 triệu đô la Mỹ. Mức này cũng khá hợp lý nếu so với tàu trẻ hơn một tuổi **Horizon Athena** (50.242 dwt, đóng 2008 Hàn Quốc, DD 09/2026, SS 12/2028) được chốt hai tuần trước với giá khoảng 18,6 triệu đô la Mỹ. Tàu chemical 3 vạ **Easterly Sirius** (36.677 dwt, đóng 2010 Hàn Quốc) về tay Người mua Hy

Lập với giá khoảng 16,5 triệu đô la Mỹ. Tuần trước tàu tương tự *Sunny Star* (37.857 dwt, đóng 2010 Hàn Quốc) với giá nhỉnh hơn khoảng 17,5 triệu đô la Mỹ. Hai tàu này đều cận kề hạn đà nên giá tương đối mềm so với mặt bằng chung của thị trường.

Bảng ghi nhận các giao dịch mua bán tàu đã qua sử dụng trong tuần qua:

Name	Blt Year	Blt Place	Dwt	Price M.USD	Buyers	Comment
BULKERS / GENERAL CARGO CARRIERS						
NSU Inspire	2011	Japan	250,599	373.00	Berge Bulk	BWTS & scrubber fitted, DD/SS 03/2026
HL Frontier	2010	Japan	207,945	32.50	Undisclosed	BWTS fitted, DD/SS due 05/2025
Alcmene	2010	China	93,193	11.90	Kondinave	BWTS & scrubber fitted, DD 04/2028, SS 01/2030
Kambanos	2010	China	87,328	11.80	Chinese	<i>Updated the price,</i> BWTS fitted, DD/SS due 07/2025
Sentosa Spirit	2020	Japan	81,911	32.00	Greek	BWTS fitted, DD/SS due 02/2025
Xin Dong Guan 1	2011	China	70,871	9.00	Chinese	
Xin Dong Guan 7	2011	China	70,807	9.00	Chinese	
Xin Dong Guan 9	2011	China	70,785	9.00	Chinese	
Isabelle M	2024	Japan	63,695	Undisclosed	Belships	Purchase Option, BWTS fitted, DD 02/2027, SS 02/2029
Enable	2001	NACKS, China	48,910	6.25	Undisclosed	BWTS fitted, DD/SS 04/2026
Mazury	2005	China	38,981	6.00	Undisclosed	Ice class 1C, DD/SS due 04/2025
Liberty C	2012	China	32,618	Undisclosed	Undisclosed	Log-fitted, DD 11/2025, SS 03/2027
TANKERS						
Great Lady	2005	Korea	308,930	41.00	Chinese	BWTS & scrubber fitted, DD 10/2026, SS 10/2028
Kavafis	2023	China	113,841	70.80	Undisclosed	BWTS & scrubber fitted, DD 04/2026, SS 07/2028
Elytis	2024	China	113,839	72.70		BWTS & scrubber fitted, DD 01/2027, SS 01/2029
Free Spirit	2008	China	113,091	36.50	Undisclosed	BWTS fitted, DD/SS 11/2025
Sea Luck III	2003	Korea	105,869	25.00	Chinese	Old sale, DD10/2026, SS 07/2028
Donegal Spirit	2006	Korea	105,611	26.00	Greek, IMS	Old sale, delivered, BWTS fitted, DD/SS 11/2026
Hansa Oslo	2007	Korea	51,215	17.00	Undisclosed	Chemical IMO III, epoxy coated, DD due 06/2025, SS 05/2027, German owners

Easterly Canyon	2009	Korea	36,677	16.00	Undisclosed	BWTS fitted, chemical IMO II, epoxy coated, DD 06/2027, SS 07/2029
Easterly Sirius	2010	Korea	36,677	16.50	Greek	BWTS fitted, chemical IMO II, epoxy phenolic coated, DD/SS due 03/2025
Golden Dahlia	2021	China	34,834	32.90	UK-based, Union Maritime	BWTS fitted, chemical IMO III, epoxy phenolic coated, M/E WinGD, DD/SS 11/2026
OTHERS						
Ibri LNG	2006	Japan	77,282	28.00	Chinese	LNG, 144618 cbm, BWTS fitted, DD/SS 07/2026
Golar Arctic	2003	Korea	74,894	24.00	Undisclosed	LNG, 137814 cbm, BWTS fitted, DD 11/2026, SS 12/2028

Bảng minh họa giá trị tàu đã qua sử dụng cập nhật theo số liệu gần nhất và so sánh với 5 năm qua (số liệu dựa trên chuẩn là tàu đóng tại Nhật:

Giá trị tàu hàng khô (đv: triệu đô la Mỹ)	% thay đổi theo (M (month) = tháng)					TB 5 năm	Giá trị tàu dầu/hóa chất (đv: triệu đô la Mỹ)	% thay đổi theo (M (month) = tháng)					TB 5 năm
	02/2025	1M	3M	6M	12M			02/2025	1M	3M	6M	12M	
CAPE SIZE							VLCC						
180k dwt Resale	75.50	0%	-2%	-1%	5%	59.50	310k dwt Resale	147.00	-1%	-1%	2%	6%	111.75
180k dwt 5 tuổi	62.00	0%	-3%	-2%	13%	43.50	310k dwt 5 tuổi	113.00	-1%	-3%	-1%	4%	85.00
170k dwt 10 tuổi	43.00	0%	-4%	-3%	19%	30.50	250k dwt 10 tuổi	84.00	-1%	-2%	-1%	8%	60.50
150k dwt 15 tuổi	26.25	-1%	-8%	-9%	9%	19.50	250k dwt 15 tuổi	53.00	-1%	-4%	-8%	-4%	43.50
PANAMAX							SUEZMAX						
82k dwt Resale	39.00	-3%	-3%	-11%	-4%	36.75	160k dwt Resale	94.00	-3%	-5%	-5%	-1%	77.50
82k dwt 5 tuổi	33.00	-3%	-6%	-15%	-6%	30.25	150k dwt 5 tuổi	75.00	-3%	-6%	-9%	-7%	59.75
76k dwt 10 tuổi	24.50	0%	-3%	-17%	-8%	21.00	150k dwt 10 tuổi	58.00	-3%	-11%	-14%	-11%	44.25
74k dwt 15 tuổi	14.25	-7%	-12%	-25%	-14%	14.00	150k dwt 15 tuổi	41.00	-9%	-12%	-13%	-5%	28.50
SUPRAMAX							AFRAMAX						
62k dwt Resale	37.00	-5%	-8%	-11%	-3%	34.50	110k dwt Resale	79.00	-4%	-7%	-7%	-5%	64.75
58k dwt 5 tuổi	30.50	-6%	-12%	-16%	-3%	25.75	110k dwt 5 tuổi	64.00	-4%	-9%	-11%	-11%	50.75
56k dwt 10 tuổi	22.00	-5%	-11%	-21%	-14%	18.75	105k dwt 10 tuổi	51.50	-1%	-10%	-13%	-10%	37.50
52k dwt 15 tuổi	14.25	-3%	-10%	-14%	-8%	12.75	105k dwt 15 tuổi	35.00	-5%	-13%	-15%	-8%	24.75
HANDYSIZE							MR						
37k dwt Resale	33.00	-4%	-4%	-4%	-3%	28.75	52k dwt Resale	51.00	-2%	-11%	-6%	-5%	44.25
37k dwt 5 tuổi	25.50	-3%	-6%	-9%	-7%	22.50	52k dwt 5 tuổi	41.00	-2%	-13%	-13%	-10%	35.00
32k dwt 10 tuổi	17.00	-11%	-13%	-17%	-8%	15.00	45k dwt 10 tuổi	31.00	-3%	-16%	-19%	-16%	25.25
28k dwt 15 tuổi	11.00	-8%	-12%	-15%	-12%	9.50	45k dwt 15 tuổi	21.50	0%	-17%	-23%	-19%	17.00

2. THỊ TRƯỜNG TÀU ĐÓNG MỚI:

Type	Size	Price (m.usd)	Qty	Yard	Owners	Delivery	Comments
LNG	174,000 cbm	253.00	2	Hanwha Ocean	Hanwha Shipping	Sept 2027	Price per unit
LNG	18,000 cbm	93.00	4	Hyundai Mipo	Evalend Shipping	Sept 2028	Price per unit

LNG	18,000 cbm	87.90	1	HJ Shipbuilding	H-Line Shipping	Sept 2027	
VLAC	93,000 cbm	120.00	2	Jiangsu Yangzi Mitsui	Jadhi Overseas	End 2027- Early 2028	Price per unit
Tanker	158,00 dwt	88.00	2	Hyundai H.I.	Greek	End 2026- Early 2027	Price per unit, scrubbers included
Container	24,000 teu	265.00- 295.00	6	Hanwha Ocean	Evergreen	2028-2029	Price per unit, LNG dual-fueled propulsion
Container	24,000 teu	265.00- 295.00	5	Guangzhou	Evergreen	2028-2029	Price per unit, LNG dual-fueled propulsion
Container	9,200 teu	105.00	2	Huangpu Wenchong	Danaos Corporation		
Container	4,300 teu	55.00	2+2	Taizhou Sanfu	Navigare, Denmark	Q4 2027	

Bảng minh họa giá tàu đóng mới cập nhật theo số liệu gần nhất và so sánh với 5 năm qua (số liệu dựa trên chuẩn là tàu đóng tại Nhật)

Giá trị tàu hàng khô đóng mới (đv: triệu đô la Mỹ)	% thay đổi theo (M (month) = tháng)				
	02/ 2025	1M	3M	6M	12M
Capesize (180.000 dwt)	74.5	-1.97%	-1.97%	3.47%	12.88%
Panamax (77.000 dwt)	37.0	-10.84%	-11.90%	-12.94%	-9.76%
Supramax (61.000 dwt)	34.5	-10.39%	-11.54%	-11.54%	-6.76%
Handysize (37.000 dwt)	30.5	-10.29%	-11.59%	-11.59%	-7.58%

Giá trị tàu dầu đầu/hóa chất đóng mới (đv: triệu đô la Mỹ)	% thay đổi theo (M (month) = tháng)				
	02/ 2025	1M	3M	6M	12M
VLCC (300.000 dwt)	127.0	-1.55%	-1.55%	-2.31%	-0.78%
Suezmax (170.000 dwt)	89.5	-0.56%	-0.56%	0.56%	4.68%
A.max (115.000 dwt)	75.0	0.00%	0.00%	1.35%	8.70%
MR (56.000 dwt)	52.0	0.00%	0.00%	1.96%	9.47%

3. THỊ TRƯỜNG THUÊ TÀU

3.1. Thị trường thuê tàu hàng khô:

Cước trung bình phân khúc **Supramax** tuần qua đóng cửa ở mức 9.668 đô la Mỹ, tăng 1.115 đô la Mỹ so với mức 8.553 đô la Mỹ của tuần trước. Khu vực Đại Tây Dương tích cực hơn, Vịnh Châu Mỹ tăng nhưng dường như đã đạt đến điểm bão hòa. Các chủ tàu đang định giá cước ở mức khoảng 17.000-19.000 đô la Mỹ cho các chuyến front haul từ Vịnh. Đông Địa Trung Hải có nhiều nhu cầu thuê nhưng số lượng thương vụ vẫn còn ít, trong khi đó Nam Đại Tây Dương vẫn kéo dài sự ảm đạm. Thị trường Thái Bình Dương tiếp tục tăng. Mặc dù hoạt động chở than đá ở Indonesia diễn ra chậm vào đầu tuần nhưng thị trường đã tăng trở lại kể từ giữa tuần khi mà các người thuê bắt đầu săn tìm tàu. Ở phía Bắc, nguồn hàng ở Bắc Thái Bình Dương ổn định, Trung Quốc và Viễn Đông có nhiều đơn hàng xuất khẩu. Do các chuyến backhails về Bờ Tây Hoa Kỳ và Đại Tây Dương đang có giá khá cao điều này có khả năng giúp đưa nguồn hàng ra khỏi Thái Bình Dương và do đó cân bằng cung và cầu. Ấn Độ Dương dường như vẫn tương đối ảm đạm vì không có những chuyển biến cải thiện nào đáng kể.

Cước trung bình phân khúc **Handies** tuần qua đóng cửa ở mức 8.498 đô la Mỹ, tăng 1.334 đô la Mỹ so với mức 7.164 đô la Mỹ của tuần trước. Khu vực Đại Tây Dương phục hồi mạnh mẽ, đặt biệt ở Continent và Địa Trung Hải với sự gia tăng các chuyến chở phết liệu, cước hiện đang ở mức hơn 10.000 đô la Mỹ đến Thổ Nhĩ Kỳ. Thị trường Nam Đại Tây Dương ổn định với nhiều nhu cầu chở hàng. Tuyến HSE từ Brazil đến Skaw-Passero đã tăng thêm 2.000 đô la Mỹ so với mức ghi nhận từ tuần trước đó. Vịnh Châu Mỹ vẫn ổn định, cước vẫn đang ở mức cao. Nhu cầu thuê định hạn tiếp tục tăng, các chủ tàu hiện đang yêu cầu mức hơn 10.000 đô la Mỹ cho các hợp đồng ngắn hạn trong khu vực Đại Tây Dương. Ở Thái Bình Dương, thị trường vẫn trên đang tăng, cước trên hầu hết các tuyến đều được ghi nhận với mức cao hơn trước đó và xuất hiện thêm nhiều nhu cầu thuê mới. Thời tiết xấu ở Đông Nam Trung Quốc đã ảnh hưởng xấu đến lịch tàu chạy và gây sự chậm trễ. Cộng thêm tình trạng thiếu tàu đi ngay ở Bắc Thái Bình Dương đã khiến một số người thuê tàu buộc phải

chốt tàu ngay lập tức với mức cước cao. Nhìn chung, đây là một thị trường được cải thiện đáng kể với nhiều hoạt động hơn trên tất cả các tuyến đường.

GIÁ THUÊ T/C TRUNG BÌNH TÀU HÀNG KHÔ THAM KHẢO NGÀY 17/02/2025

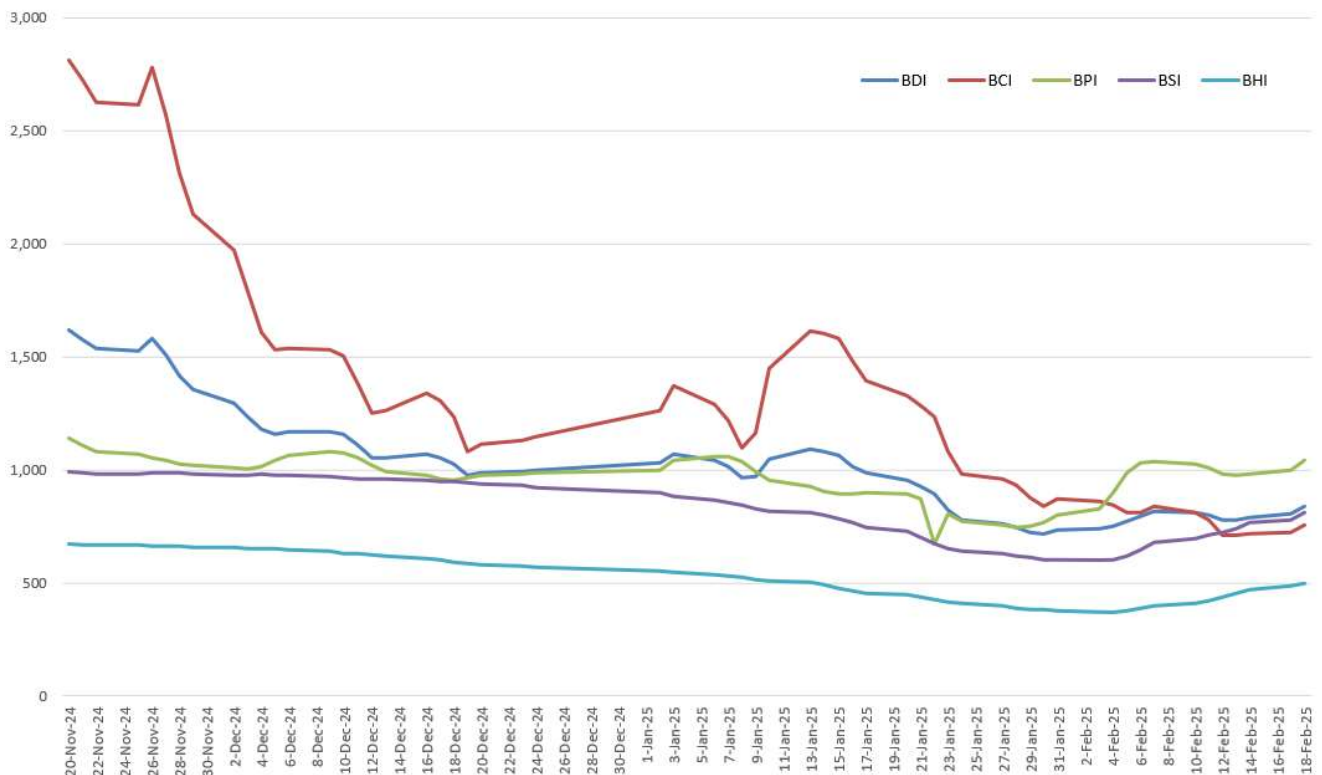
	US\$/ngày	
SUPRAMAX	7,634 ▲	1,115
HANDIES 38K	8,498 ▲	1,334

(so sánh với giá trị ngày 10/02/2025)

Baltic Earnings



CHỈ SỐ THỊ TRƯỜNG TÀU HÀNG KHÔ



3.2. Thị trường thuê tàu dầu/hóa chất:

Tại thời điểm báo cáo, giá dầu thô Mỹ WTI giao dịch ở ngưỡng 71,98 đô la Mỹ/thùng - tăng 0,18% so với phiên giao dịch trước đó. Trong khi giá chuẩn Brent dừng lại ở mức 75,94 đô la Mỹ/thùng - tăng 0,13%. Theo đánh giá, giá dầu nói dài đã tăng do tình trạng gián đoạn nguồn cung gia tăng ở Nga và Mỹ.

Thị trường đang chịu áp lực, do kỳ vọng về một thỏa thuận ngừng bắn giữa Nga và Ukraine cũng như khả năng dỡ bỏ lệnh trừng phạt đối với Moscow. Đồng thời, những lo ngại về suy thoái kinh tế do các cuộc chiến thương mại, đặc biệt là từ chính sách của ông Trump, cũng đang đè nặng lên giá dầu. Dự báo giá dầu WTI sẽ dao động trong khoảng 66-76 đô la Mỹ/thùng trong thời gian tới, vì nếu giá dầu giảm sâu hơn nữa có thể khiến sản lượng dầu của Mỹ bị hạn chế. Bên cạnh đó, các lệnh trừng phạt của Mỹ và Liên minh châu Âu đối với xuất khẩu dầu của Nga đã làm gián đoạn dòng chảy dầu trên biển. Việc dỡ bỏ các lệnh trừng phạt trong trường hợp đạt được thỏa thuận hòa bình có thể giúp tăng nguồn cung năng lượng toàn cầu.

Ngoài ra, rủi ro về một cuộc chiến thương mại toàn cầu cũng đang gây áp lực lên giá dầu, sau khi ông Trump tuần trước ra lệnh cho các quan chức thương mại và kinh tế nghiên cứu biện pháp áp thuế đối ứng đối với các nước áp thuế lên hàng hóa Mỹ, với hạn chót báo cáo kết quả vào ngày 1/4.

3.2.1 Phân khúc tàu chở dầu thô

Phân khúc tàu VLCC	Xu hướng thị trường tàu VLCC tại khu vực Trung Đông đã có dấu hiệu giảm nhiệt, khi cước chỉ còn ở mức WS 59 cho các chuyến đi đến Trung Quốc, giảm 8 điểm so với tuần trước đó. Nguyên nhân chủ yếu là do tình trạng dư thừa nguồn cung tàu và tắc nghẽn tại khu vực Viễn Đông. Theo dự báo, cước dự kiến sẽ ổn định trở lại với các triển vọng tích cực nhờ sự gia tăng hàng hóa từ Trung Đông vào cuối tháng 2 và đầu tháng 3, kết hợp với đó là các lo ngại về sự thiếu hụt tàu trong thời gian sắp tới.			
	Tuyến	Cước TCE tuần trước (đô la Mỹ/ngày)	Cước TCE tuần này (đô la Mỹ /ngày)	Xu hướng so với tuần trước
	Trung Đông/ Trung Quốc	46.392	38.682	↓
USG/Trung Quốc	46.109	42.173	↓	
Phân khúc tàu Suezmax	Cước phân khúc tàu Suezmax đã có sự giảm nhẹ trong tuần này tại thị trường Tây Phi, trong khi nhu cầu tại khu vực USG có dấu hiệu tăng lên. Đơn cử, cước cho tuyến Nigeria/UKC đã giảm xuống mức WS 88 – giảm 6 điểm so với tuần trước đó. Theo ghi nhận, thị trường Địa Trung Hải và Biển Đen có dấu hiệu sôi động trở lại dẫn đến nguồn cung tàu tại khu vực Châu Âu có phần giảm bớt đi. Cước trên tuyến CPC/Med hiện ở mức WS 104 – tăng 5 điểm so với tuần trước.			
	Tuyến	Cước TCE tuần trước (đô la Mỹ/ngày)	Cước TCE tuần này (đô la Mỹ /ngày)	Xu hướng so với tuần trước
	Tây Phi/Cont	39.271	38.810	↓
Guyana/UKC	35.319	35.475	↑	

Phân khúc tàu Aframax	Theo đánh giá, thị trường tàu Aframax có cùng chung xu hướng với hai phân khúc phía trên, ghi nhận cước tại thị trường Trung Đông giảm nhẹ do số lượng tàu hiện đang dần tăng lên tại khu vực này. Bên cạnh đó, khu vực biển Bắc, cước hiện không mấy khả quan khi các chuyến Cross-UKC vẫn giữ nguyên ở mức khá thấp, WS 107. Khu vực Địa Trung Hải dù có dấu hiệu tích cực vào đầu tuần khi cước đạt mức WS 165 cho các tuyến x-Med, nhưng vào cuối tuần số lượng tàu trong khu vực tăng lên khiến cước có dấu hiệu chững lại.			
	Tuyến	Cước TCE tuần trước (đô la Mỹ/ngày)	Cước TCE tuần này (đô la Mỹ /ngày)	Xu hướng so với tuần trước
	UKC/UKC	26.652	26.568	↓
	Med/Med	34.473	41.516	↑
	USG/Cont	28.705	31.428	↑
EC Mex/USG	17.587	17.294	↓	

3.2.2 Phân khúc tàu chở dầu thành phẩm/ hóa chất:

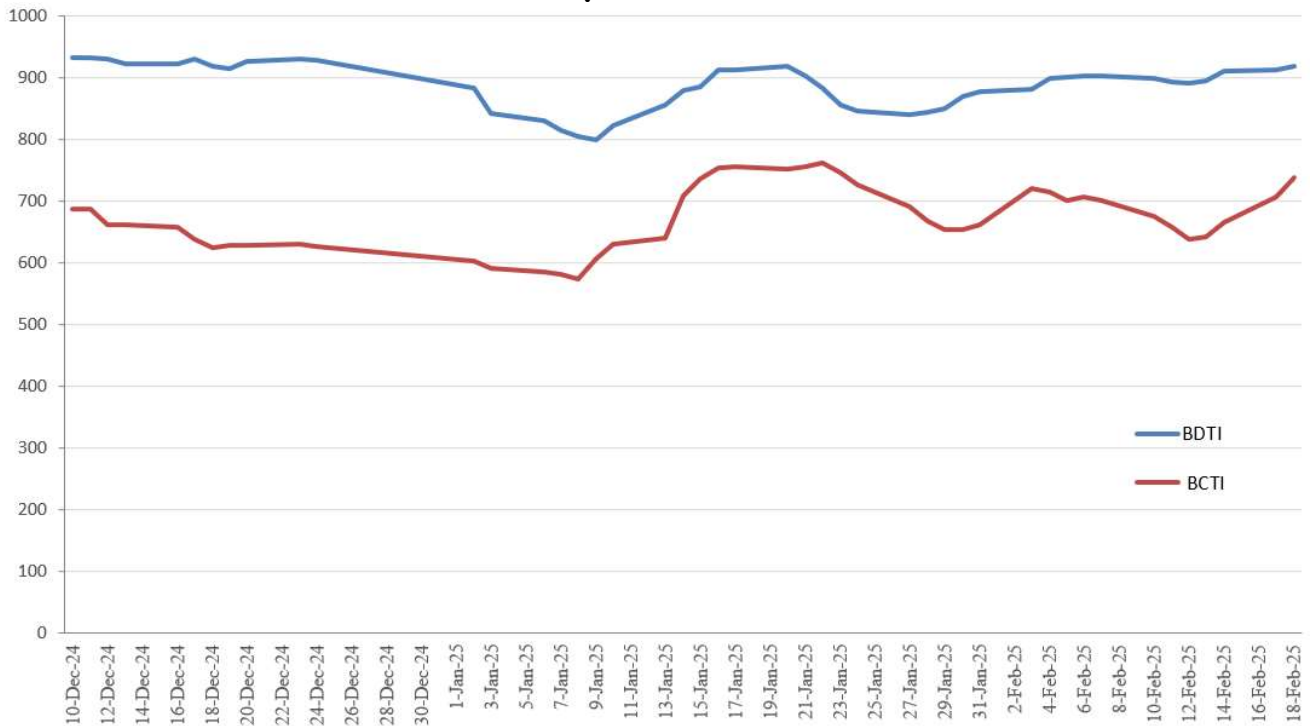
Đối với phân khúc tàu MR-Handy: Thị trường tàu MR tại khu vực Đông Nam Á hiện duy trì sự ổn định khi có một số lượng lớn các lô hàng với yêu cầu vận chuyển đường dài. Do đa số các tàu có chất lượng tốt hiện đã đảm nhận các chuyến hàng sớm nên những lô hàng yêu cầu về sau sẽ gặp khó khăn khi tìm tàu phù hợp. Theo ghi nhận, cước trên tuyến Muara/Australia hiện tăng khoảng 40 điểm lên mức WS 215. Triển vọng hiện tại vẫn tiếp tục xu hướng tăng, mặc dù một số lô hàng muộn hơn được giao dịch chỉ ở mức WS 175, tuy nhiên các chủ tàu sẽ tìm cách tạo áp lực trong tuần tới và sẽ có một mức cước cao hơn được yêu cầu. Phân khúc MR tại khu vực UKC tuần này bắt đầu có dấu hiệu trầm lắng do cước hiện đã giảm 30 điểm trên tuyến Cont/USAC vào cuối tuần, với cước tiếp tục giảm từ WS 150 xuống chỉ còn WS 115. Bên cạnh đó, phân khúc tàu Handy ở Địa Trung Hải đã trải qua hai giai đoạn rõ rệt trong tuần này. Đơn cử, ở nửa đầu tuần các hoạt động diễn ra khá trầm lắng, dẫn đến cước trên tuyến Algeria/EU Med giảm từ WS 200 xuống chỉ còn WS 165. Tuy nhiên, từ giữa tuần trở đi, số lượng hàng hóa đã tăng lên với sự gia tăng của các đơn hàng không được chào ra trên thị trường, số lượng tàu có sẵn đã giảm xuống dưới mức trung bình, điều này giúp đẩy cước lên đến mức WS 180. Dự đoán rằng vào đầu tuần tới, số lượng tàu sẽ thiếu hụt hơn nữa và điều này giúp tâm lý chủ tàu sẽ lạc quan trong việc đẩy cước lên mức cao hơn.

Phân khúc tàu dầu/hóa chất nhỏ: Các giao dịch tại thị trường Châu Á tiếp tục xu hướng trầm lắng, các giao dịch đi hướng phía Bắc hiện đang trì trệ do số lượng tàu sẵn có đang liên tục xuất hiện tại khu vực Đông Nam Á. Mặc dù có một số lô hàng đã được thỏa thuận trong tuần qua, với các lô hàng lớn hơn đến từ Hengyi trên tuyến từ Muara đến các khu vực trung tâm Trung Quốc đang có mức cước cực kỳ cạnh tranh, ghi nhận trong khoảng 23-25 đô la Mỹ/tấn. Một số đơn hàng nhỏ hơn cho các ngày trong nửa cuối tháng 2 cũng đang được đàm phán bởi người thuê nhưng có vẻ đã không thành công. Bên cạnh đó, các hoạt động hướng về khu vực phía Nam có sự cải thiện đôi chút, đặc biệt là các tuyến đi Ấn Độ và Trung Đông, nơi mà các lô hàng hóa chất đã được chào trên thị trường cho các ngày cuối tháng 2. Các lô hàng MTBE, MEAC và CSS vẫn là mặt hàng chính được vận chuyển vào khu vực Đông Nam Á, với cước vẫn dao động ở mức 30-32 đô la Mỹ/tấn cho các đơn hàng từ 10.000 – 12.000 tấn. Thị trường dầu cò không có nhiều điểm nổi trội với cước vẫn đang ở mức khá thấp. Theo ghi nhận, các chuyến hàng 10.000 – 12.000 tấn đến bờ Đông Ấn Độ được ký kết với mức cước từ 27 – 29 đô la Mỹ/tấn. Các lô hàng lớn từ 15.000 – 18.000 tấn đi bờ Tây Ấn Độ/Pakistan hiện ở mức khoảng 34-36 đô la Mỹ/tấn.

Bảng minh họa giá thuê tàu định hạn cập nhật theo số liệu gần nhất (US\$/ngày):

	Giá thuê tàu định hạn tuần 07/2025			Giá thuê tàu định hạn tuần 06/2025		
	1 NĂM	3 NĂM	5 NĂM	1 NĂM	3 NĂM	5 NĂM
VLCC	-	-	-	49,000	47,500	47,000
SUEZMAX	-	-	-	35,000	36,500	36,000
AFRAMAX	-	-	-	31,500	31,000	30,500
LR-2	-	-	-	30,500	32,500	30,000
LR-1	-	-	-	24,500	23,000	23,000
MR	-	-	-	21,500	21,000	20,500
HANDY	-	-	-	19,000	18,500	18,500

CHỈ SỐ THỊ TRƯỜNG TÀU DẦU



4. THỊ TRƯỜNG TÀU PHÁ DỠ:

GIÁ PHÁ DỠ THAM KHẢO

(dành cho tàu có lt > 5.000)

STT	Giao tại	Tàu hàng rời		Tàu dầu		Tàu container	
		US\$	▼/▲	US\$	▼/▲	US\$	▼/▲
1	Pakistan	430	▼ 10	450	▼ 10	460	▼ 10
2	Bangladesh	440	▼ 5	460	▼ 5	470	▼ 5
3	India	435	▼ 5	455	▼ 5	465	▼ 5
4	Turkey	280		290		300	

(đơn vị tính: usd/lt ldt. 1 lt = 1.017 mt ldt)

MỘT SỐ TÀU PHÁ ĐỠ GHI NHẬN TRONG TUẦN 06/2025

Name	Type	Blt year	LDT	Demolition place	Price (US\$/lt)	Dwt	Comments
Sa Equatorial	Tanker	1997	42,649	-	-	300,349	As is Malaysia, FPSO
Best Unity	Bulker	1997	9,827	Bangladesh	443.00	69,034	
Run Fu 7	Bulker	1990	7,176	Bangladesh	445.00	38,852	
Fortu	Passenger	1982	16,120	India	-	5,000	

CÔNG TY MÔI GIỚI TÀU BIỂN TIÊN PHONG
PIONEER SHIPBROKERS
MUA – BÁN – THUÊ TÀU

Email: snp@pioneershipbrokers.com.vn

*Các thông tin trên được chúng tôi tập hợp từ các nguồn thông tin khác nhau và chỉ mang tính tham khảo.
Chúng tôi không chịu trách nhiệm về bất cứ khiếu nại nào liên quan đến tính chính xác của các thông tin trên.*